

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

Quý III năm 2009

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Số đầu năm	Số dư cuối kỳ
I	Tài sản ngắn hạn	215,440,953,021	201,565,518,289
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	32,326,759,796	25,267,060,033
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	294,290,800	8,724,651,600
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	160,424,533,279	144,278,900,313
4	Hàng tồn kho	20,444,710,018	20,536,488,759
5	Tài sản ngắn hạn khác	1,950,659,128	2,758,417,584
II	Tài sản dài hạn	50,536,405,379	42,098,970,945
1	Các khoản phải thu dài hạn	0	0
2	Tài sản cố định	20,993,091,756	21,122,003,461
	- Tài sản cố định hữu hình	6,728,842,876	9,689,769,025
	- Tài sản cố định vô hình	11,158,912,801	11,333,110,436
	- Tài sản cố định thuê tài chính	0	0
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3,105,336,079	99,124,000
3	Bất động sản đầu tư	12,157,615,347	11,967,338,214
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	17,332,299,110	8,876,185,110
5	Tài sản dài hạn khác	53,399,166	133,444,160
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	265,977,358,400	243,664,489,234
IV	Nợ phải trả	107,642,156,737	89,612,306,744
1	Nợ ngắn hạn	106,733,724,350	88,868,135,698
2	Nợ dài hạn	908,432,387	744,171,046
V	Vốn chủ sở hữu	158,335,201,663	154,052,182,490
1	Vốn chủ sở hữu	155,018,123,794	151,058,247,639
	-Vốn đầu tư của chủ sở hữu	59,919,060,000	80,000,000,000

	-Thặng dư vốn cổ phần	74,905,327,450	57,131,343,889
	-Cổ phiếu quỹ	(1,083,278,891)	-
	-Chênh lệch đánh giá lại tài sản	0	0
	-Chênh lệch tỷ giá hối đoái	0	0
	-Các quỹ	8,692,596,677	10,832,793,163
	-Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	12,584,418,558	3,094,110,587
	-Nguồn vốn đầu tư XDCB	0	0
2	Nguồn kinh phí và các quỹ khác	3,317,077,869	2,993,934,851
	-Quỹ khen thưởng phúc lợi	3,317,077,869	2,993,934,851
	-Nguồn kinh phí	0	0
	-Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	0	0
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	265,977,358,400	243,664,489,234

II.KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Lũy kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	12,492,813,136	36,213,918,768
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0
3	Doanh thu thuần về hàng bán và cung cấp dịch vụ	12,492,813,136	36,213,918,768
4	Giá vốn hàng bán	9,977,557,901	27,866,714,090
5	Lợi nhuận gộp về hàng bán và cung cấp dịch vụ	2,515,255,235	8,347,204,678
6	Doanh thu hoạt động tài chính	498,196,062	3,311,997,530
7	Chi phí tài chính	11,283,158	26,179,558
8	Chi phí bán hàng	0	7,674,834
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1,501,008,260	3,957,369,629
10	Lợi nhuận thuần về hoạt động kinh doanh	1,501,159,879	7,667,978,187
11	Thu nhập khác	182,237,133	189,408,876
12	Chi phí khác	2,074,278	2,120,230
13	Lợi nhuận khác	180,162,855	187,288,646
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1,681,322,734	7,855,266,833
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	293,449,928	1,075,112,646
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1,387,872,806	6,780,154,187
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	173	1,079
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

Hà nội, ngày 25 tháng 10 năm 2009

TỔNG GIÁM ĐỐC